CÁC HÌNH THỨC SỞ HỮU ĐẤT ĐAI TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI CHĂM Ở THÔN HẬU SANH, XÃ PHƯỚC HỮU, HUYỆN NINH PHƯỚC, TỈNH NINH THUẬN

LÊ TRẦN QUYÊN

Sở hữu ở mỗi cộng đồng dân tộc hay xã hội nói chung đều nói lên bản chất và những đặc điểm cơ bản của xã hội đó. Ở dân tộc Chăm, chế độ mẫu hệ hiện nay còn biểu hiện rất rõ nét trong đời sống xã hội. Nghiên cứu sở hữu truyền thống góp phần cung cấp những tài liệu, hiểu biết sâu về xã hội mẫu hệ.

Cho tới nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu về người Chăm của các nhà khoa học trong nước và ngoài nước. Trong những công trình nghiên cứu này, những tài liệu về vấn đề sở hữu truyền thống của người Chăm hầu như chưa được đề cập một cách cụ thể. Việc nghiên cứu về sở hữu truyền thống của người Chăm, nhất là người Chăm Bàlamôn chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống và chuyên sâu. Có thể nói, nghiên cứu này được coi là bước đầu bổ sung cho sự thiếu hụt trên.

Giống như những làng Chăm khác, thôn Hậu Sanh được gọi theo tiếng Chăm là *Play Thuỗn*, có nghĩa là làng đến sau. Thôn Hậu Sanh ngày nay thuộc xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận, cách thị xã Phan Rang 20 km về phía Đông Nam. Phía Đông xã Phước Hữu tiếp giáp thị trấn Phước Dân, phía Tây giáp vùng rừng núi xã Phước Hà, phía Nam giáp xã Nhị Hà và xã Phước Nam, phía Bắc giáp với xã Phước Thái và xã Phước Hậu.

Tổng chiều dài xã là 8km và chiều rộng là 7km với tổng diện tích đất tự nhiên là 6.043 ha, bao gồm: đất khu dân cư - 104 ha, đất lâm nghiệp - 297 ha, đất chuyên dùng - 336 ha, đất nông nghiệp - 2.682 ha, diện tích mặt nước nuôi trồng thuỷ sản - 0,25 ha, còn lại là 2.623 ha đất chưa sử dụng. Xã Phước Hữu gồm hai thôn: Hậu Sanh và Phước Hữu.

Hậu Sanh là một trong số ít các thôn được thừa hưởng di sản của người xưa để lại, đó là tháp Pô Rômê. Tháp được xây dựng vào cuối thế kỷ XVI và đầu thế kỷ XVII.

Trong xã hội phong kiến vùng người Chăm, ngoài sự phân hoá giai cấp còn có vấn đề đẳng cấp. Do ảnh hưởng của Bàlamôn giáo nên xưa kia người Chăm cũng có những hình thái chiếm hữu ruộng đất đặc biệt.

Về tên gọi các loại sở hữu ruộng đất của người Chăm ở Ninh Thuận nói chung và ở Hậu Sanh nói riêng có sự khác biệt nhau, phản ánh tính chất phức tạp cũng như những đặc điểm địa phương của chế độ sở hữu đất đai vùng Chăm.

Căn cứ vào những nghiên cứu của nhà sử học Nguyễn Đình Đầu thì tỉnh Bình Thuận vào năm 1836 gồm hai phủ là phủ Hàm Thuận và phủ Ninh Thuận. Xã Hậu Sanh thuộc tổng Đức Lân, huyện An Phước,

phủ Ninh Thuận (Nguyễn Đình Đầu, 1996, tr. 58). Diện tích bình quân của một làng là 168 mẫu 6 sào 5 thước 3 tấc. Làng Hậu Sanh vào giai đoạn này gọi là xã Hậu Sanh, có diện tích 154 mẫu 6 sào 6 thước 5 tấc (Nguyễn Đình Đầu, 1996, tr. 276). Như vậy, xã Hậu Sanh có diện tích trung bình so với các xã, thôn ở Bình Thuận. Hậu Sanh vào thời điểm này có những ruộng đất sau:

1. Thảo điền: 70 mẫu 2 sào 7 thước 4 tấc

2. Sơn điền: 58 mẫu 0 sào 7 thước 9 tấc

Trong đó:

Dân điền: 77 mẫu 8 sào 1 thước 2 tấc (16 sở)

Phiên liêu điền: 50 mẫu 5 sào 3 thước 1 tấc

Dân cư thổ: (1 khoảnh) 1 mẫu 3 sào 1 thước 8 tấc

Tuy nhiên, theo như nguồn tài liệu chúng tôi ghi chép được vào đầu năm 2001 tại Hậu Sanh, sở hữu đất đai được chia ra làm bốn loại: 1) Sở hữu đất đai của cộng đồng làng xã; 2) Sở hữu của đền tháp; 3) Sở hữu của dòng họ; và 4) Sở hữu của các gia đình mẫu hệ. Dưới đây là chi tiết về sở hữu đất đai thuộc bốn loại này.

1. Sở hữu đất đai của cộng đồng làng xã

Những thành phần thuộc ruộng đất *Play* có từ nhiều nguồn khác nhau. Từ những ruộng đất thuộc sở hữu tư nhân, dòng họ và của tôn giáo bị hoang hoá không người quản lý, được đem giao lại cho *Play* quản lý; và một nguồn quan trọng khác là đất của các vua chúa, các vị chức sắc địa phương do loạn lạc... để lại cho *Play*.

Hmu Play là tài sản chung của *Play* và do những người đứng đầu trong làng cùng với *Po Play* chịu trách nhiệm quản lý, phân phối và khai thác. Chẳng hạn, những người quản lý đất làng chia đất ruộng cho mỗi hộ sử dụng trong 20 năm, trong thời gian này họ muốn sử dụng đất đó vào việc gì cũng được. Nhưng mỗi năm, những người này sẽ kiểm tra nhân khẩu trong gia đình một lần xem có sự thay đổi gì không, như nhà thêm người hay giảm bớt người đi. Trong thời gian 20 năm, nếu có gì thay đổi, đất đai sẽ được phân lại cho phù hợp với các hộ dân trong làng. Cứ đến vụ đông xuân là làng bắt đầu đi thu thuế đất, tuỳ từng hộ ít hay nhiều đất và trong năm đó làm ăn có tốt hay xấu để định mức thu thuế cho phù hợp. Nhưng cũng có những kiểu thu thuế khác như thu theo mùa vụ... Những kiểu thu khác không cố định.

Hmu Play được phân chia theo địa vị, chức trách trong làng xóm, tuỳ vào địa vị mà được ít hay nhiều. Các vị chức sắc trước đây được làng phân đất từ 800m^2 đến 1 sào, tuỳ vào địa vị của họ. Như ở Hậu Sanh và Hữu Đức, *Hmu Play* chỉ được phân cho đàn ông, tuỳ theo địa vị, chức trách trong làng xóm có sự khác biệt nhiều hay ít phần ruộng. Những sản phẩm thu được từ các *Hmu Play* do những người thụ hưởng nộp cho *Play* sẽ được dành vào công việc chung như các việc công ích, lễ hội và về sau thì phải trích nộp cho nhà nước phong kiến với danh nghĩa thuế ruộng.

Về sau, số lượng ruộng đất do *Play* sở hữu bị bào mòn và xâm phạm nhiều bởi sự quản lý lỏng lẻo và những xáo trộn trong xã hội, mà theo nguyên tắc, *Hmu Play* là tài sản chung của *Play*, các cá nhân và tộc họ không được tự ý chiếm đoạt làm của riêng hoặc tự ý sang nhượng, mua bán. Trong thời gian thuộc vùng kiểm soát của phong kiến nhà

Nguyễn, *Hmu Play* được chuyển thành công điền và trực thuộc quyền sở hữu của nhà nước phong kiến.

Tương truyền, trước đây người Chăm nộp thuế nông nghiệp cho vua bằng thóc; người nộp thuế chở thóc tới kinh đô thường đi đường thuỷ. Ngày nay, người Chăm còn giữ tập quán này qua hình thức tín ngưỡng: hàng năm sau khi thu hoạch lúa, nhà nông mang tượng trưng một *Kthok* thóc lên cúng tại tháp (tháp tượng trưng cho nhà vua), đó là lễ *Patư* (lúa mới). Nếu vụ gặt sớm thì lễ nộp thuế vào cuối năm (tháng 11 Chăm lịch), nếu muộn có thể làm lễ vào đầu năm theo Chăm lịch. Ở thôn Hữu Đức, người Chăm phải làm lễ đóng thuế hai nơi, tháp Pô Rômê và đền thờ Pô Nagar tại thôn Hữu Đức, vì vùng này dùng nước canh tác tại đập Marện và sông Dàng, còn Hậu Sanh phải làm lễ đóng thuế cho tháp Pô Rômê. Người Chăm hiện nay còn giữ một số lễ nghi nông nghiệp cổ truyền. Những nghi lễ này đã có từ lâu đời, tới nay có thể bị thay đổi hoặc có những nghi thức đã bị mai một, hoặc có khi lại mượn thêm những phong tục, tập quán của người Việt nữa.

Ngoài ra, những bãi chăn thả thêm trên các đồi núi, những mương máng cấp nước cho sản xuất được làng đứng ra quản lý để bảo vệ cho việc phát triển sản xuất và chăn nuôi của dân cư trong làng, đều thuộc quyền quản lý của *Play*.

2. Sở hữu đất đai của đền tháp

Trước đây tháp Pô Rômê có diện tích khá lớn - khoảng 5 ha, vì đây là diện tích được vua ban cho vào những dịp hội lễ trong năm - vua Pô Rômê là người rất quan tâm đến việc thờ cúng. Nhưng do sự biến chuyển của thời gian cho nên diện tích trên bị thu hẹp dần, bởi nhiều lý do như thiếu ruộng đất canh tác, thiếu đất ở. Hiện tại diện tích đất còn lại của tháp không mang lại khả năng kinh tế cao, cho nên phần lớn đất đai bị bỏ hoang phế, cây cối mọc um tùm.

Trong chế độ sở hữu ruộng đất, tôn giáo vùng Chăm đã tạo nên những ảnh hưởng và hình thành một bộ phận đất đai thuộc sở hữu của nhà chùa Bà ni. Nhưng ruộng nhà chùa (*Hmu Thang mưgik*) chỉ tồn tại trong các cư dân Chăm theo Hồi giáo ở vùng Ninh Thuận, Bình Thuận, còn ở Hậu Sanh theo tôn giáo Bàlamôn nên không có ruộng nhà chùa, mà chỉ có ruộng tháp Pô Rômê. Ở Hậu Sanh ngày nay, việc thờ cúng trông nom tháp Pô Rômê được huyện cử cán bộ của Viện bảo tàng đến bảo vệ và trông coi, còn những ngày có tổ chức các dịp lễ cúng tháp sẽ đứng ra tổ chức và sẽ bầu ra một ban tổ chức riêng cho việc lễ. Vì tháp nằm trong phạm vi gần Hậu Sanh, cho nên trong các dịp tổ chức cúng lễ trên tháp thì Hậu Sanh luôn do làng đứng ra tổ chức và chủ trì. Khi tổ chức lễ hội, kinh phí lễ hội do các làng Chăm góp lại, đưa cho người chủ trì lễ và Ban phong tục[1] để Ban này tổ chức lễ.

Trước giải phóng, chỉ người giữ chùa do dân cấp ruộng, còn các chức sắc (như: Cả sư, Pashê) phải tự thân tìm ruộng, chứ không được làng cấp ruộng.

Hàng năm cứ vào ngày lễ của tháp, số tiền công đức thu được của khách thập phương và của các dòng họ cúng vào thì để mua hương hoa quả cúng thần trong năm và cũng để ông Từ của tháp sử dụng trong việc bảo vệ, cúng bái tháp trong các ngày lễ lạt trong năm.

[1] Ban phong tục gồm thành viên của các ban tại các làng Chăm, riêng ông trưởng ban là ở tại Hậu Sanh vì tháp ở Hậu Sanh.

- *Hmu Tabung* là ruộng phải kiêng cữ, không ai dám canh tác vì sợ thần linh trừng phạt và gây ra bệnh hoạn hoặc chết chóc. Người Chăm cho đó là ruộng trước đây của các ông hoàng bà chúa, các vương triều mà mỗi khi canh tác lại phải có những nghi lễ đặc biệt. Nếu có loại ruộng thì họ hoặc không canh tác, hoặc bán cho người Kinh theo đạo Thiên Chúa (người Kinh theo đạo Phật cũng không dám cày cấy loại ruộng này). Cũng có người Chăm cho rằng, loại ruộng kiêng cữ bởi vì ngày xưa đó là bãi chiến trường, bãi tha ma, nghĩa địa.

- Ruộng cày trộm (*Hmu Kaléc*) thường là của những nhà khá giả có nhiều ruộng đất, đều có một thửa ruộng thuộc loại này. Mỗi năm mở đầu cho việc canh tác, người chủ ruộng đều phải "cày trộm" ruộng nhà mình rồi sau đó mới cày chính thức. Ban đêm, vợ chồng chủ ruộng mang trâu ra "cày lén" 3 luống rồi về nhà, sáng ra họ tảng lờ như không biết chuyện gì xảy ra và tới thăm ruộng. Họ kêu lên như không hiểu chuyện gì và nói "không biết ai đã cày lén lút thửa ruộng của tôi trong buổi tối đấy", sau đó họ về nhà mang lễ vật ra cúng để trình các thần linh và tiếp tục cày thửa ruộng đó.

- Ruộng cầu khấn (*Hmu Kammi*) là loại trước khi canh tác phải mời thầy chang (*Iman*) làm lễ cúng thượng đế Pô Allah ban phép lành (thượng đế của Hồi giáo). Thầy chang vẩy nước phép cho trâu hoặc bò cày ruộng này; khi người chủ ruộng cày được 3 luống thì thầy chang lấy dầu dừa[2] đổ một ít xuống luống cày để bói điều tốt, xấu cho vụ lúa sắp tới. Buổi lễ chấm dứt, người chủ ruộng ra về và hôm sau mới trở lại tiếp tục cày như thường lệ. Ruộng Roi theo tập tục của đạo Bà ni có nghĩa là ruộng tương tự như ruộng cầu khấn của đạo Bàlamôn.

- Kỵ điền (*Hmu Yang*) ruộng thờ thần thánh: Ngoài ruộng hương điền (ruộng làng), ruộng công, còn có loại Kỵ điền do vua ban cho thôn, xã để lấy hoa lợi trông nom sửa sang lăng mộ của một vị thần nào đó. Ở thôn Hữu Đức, huyện An Sơn, trước đây vua Pô Rômê giao 60 mẫu ta và thôn Hậu Sanh gần đó cũng được giao cho 50 mẫu ta để lo việc thờ cúng tháp Pô Rômê và cúng thần đập nước Marện gần đó. Kỵ điền ở chùa Bà ni gọi là *Hmu Mal*, vì tháp Bàlamôn gọi là *Hmu Kalan*.

3. Sở hữu đất đai của dòng họ

- *Hmu ngawôm* hoặc *Hmu pupach* là tên thường gọi của ruộng sở hữu tộc họ. Việc kế thừa ruộng đất ở người Chăm chủ yếu là trong gia đình và dòng họ, người có quyền thừa kế là đàn bà, chủ yếu là người con gái út trong gia đình. Đó là người có trách nhiệm duy trì và quản lý sự tồn tại của gia đình, dòng họ, trong đó có việc quản lý, giữ gìn đất đai.

- Ruộng tư của một số gia đình được giao cho dòng họ quản lý vì nhiều lý do như: không có con cái để thừa kế, ruộng chia cho con trai sau khi hết thời gian sử dụng. Ruộng phiêu tán và ruộng tuyệt tự - có tên là *Hmu blum* - là ruộng của gia đình không có con cái, cháu. Loại ruộng đó họ tộc lấy và sẽ lo toàn bộ phần cúng bái cho gia đình đó cho đến khi họ qua đời.

- Ruộng của những người khai sáng dòng họ dùng vào việc công ích chung cho dòng họ và được lưu truyền qua nhiều thế hệ. Loại ruộng này gồm có: loại dùng để lập *Kut* và lấy hoa lợi để tổ chức lễ vào *Kut* gọi là

[2] Theo truyền thuyết thì bộ tộc theo dòng Dừa, vì vậy dừa luôn được coi là biểu tượng thuần khiết và tối cao.

Hmu kut; còn *Hmu Talang* hay ruộng xương cốt là ruộng của những gia đình tuyệt tự hiến lại cho dòng họ, hàng năm thu hoa lợi trên ruộng này dành riêng để cung cấp cho những người đã khuất (chủ ruộng khi đó mất).

Việc quản lý tài sản ruộng đất của tộc họ do những người đứng đầu tộc họ (*Akok ngawôm*). Đó là những người đàn bà trông coi *chiết atâu* của dòng họ, thường là các *Muk jinhăng*, hoặc người đàn ông phía dòng mẹ, các ông *Pachak sana* tức là các ông cậu. Những quyết định về việc phân phối và sử dụng ruộng đất của dòng họ được bàn bạc kỹ lưỡng trong các cuộc họp, giữa *Muk jinhăng* hoặc *Pachak sana* với những người đàn bà làm chủ các gia đình lớn [thường là các bà đứng đầu *thalaga* (khuôn viên)], thêm vào đó là những người thuộc "vai trên" của tộc họ. Những cuộc họp này sẽ quyết định việc phân phối ruộng tộc họ cho các gia đình trong họ canh tác nếu tộc đó có nhiều ruộng. Trường hợp ruộng đất tộc họ không nhiều lắm, có thể phân phối định kỳ cho các chi nhánh trong tộc họ, tức là theo từng *puk* trong *ngawôm* canh tác luân phiên. Một số tộc họ quá ít ruộng đất thì việc canh tác sẽ được giao cho *Muk jinhăng* hoặc *Muk jinhăng* cùng với *Pachak sana* bàn bạc để giao cho một, hai gia đình nào đó trong dòng họ [Phan Xuân Biên (Chủ biên), 1989].

Ruộng họ dùng để cúng tất cả những ngày lễ có liên quan đến dòng họ. Người trực tiếp sử dụng ruộng đó là người đại diện cho dòng họ tộc. Trách nhiệm của người này là khi có ngày cúng tổ tiên thì liên hệ với bà Bóng (bà thầy cúng) để mời về múa, dâng rượu cho tổ tiên.

Các dòng họ lớn hơn còn có thêm ruộng họ để phân phát cho các thành viên trong tộc họ, có thể không đầy đủ. Trong trường hợp này, họ lần lượt phân phát cho các thành viên dòng họ qua từng năm. Ví dụ, ở thôn Hữu Đức có một dòng họ lớn *La Thang* có hình thức sở hữu này; ruộng của dòng họ này có tên là ruộng *La Thang* (được dịch ra tiếng Việt là ruộng sau hè - tức là ruộng gần với ngôi nhà). Được gọi như vậy bởi vì *Kut* của dòng họ này được đặt ngay trên khu ruộng "sau hè" đó. Ruộng đất của dòng họ theo những quy định truyền thống của đồng bào là tài sản thiêng liêng của tộc họ; do vậy, các cá nhân và gia đình trong tộc họ không được chiếm dụng và việc sử dụng, khai thác loại ruộng này thuộc về nội bộ dòng họ.

Trong từng dòng họ đều có một nghĩa trang riêng, một cánh đồng chung của dòng họ dùng trong việc thờ cúng. Ruộng *Kut* (*Hmu kut*) có thể coi là ruộng chung của một dòng họ người Chăm Bàlamôn. *Kut* nghĩa là nghĩa địa tính theo họ mẹ của người Chăm. Cụ thể ở Hậu Sanh thì ruộng *Kut* là ruộng của dòng họ dành riêng cho việc cúng giỗ, hoặc các lễ nghi nhập *Kut* của cả dòng họ.

- *Hmu kut* có nguồn gốc từ ruộng tư (*hmu blay*, *hmu bhum*) và có khi từ *Hmu Talang* nữa. Ruộng *Kut* do tộc họ quản lý, trực tiếp là người đứng đầu dòng họ, thường là ông cậu.

Cánh đồng chung của mỗi dòng họ có diện tích khoảng từ 800m^2 đến 5 sào do tổ tiên mỗi dòng họ để lại. Mỗi gia đình trong dòng họ phải để một người đến làm tập thể cùng mọi người trong dòng họ của mình, trong cánh đồng chung đó. Hoa lợi thu được từ cánh đồng chung được trưởng họ quản lý và dùng để thờ cúng tổ tiên, vào các lễ hội, dùng giúp đỡ các gia đình trong dòng họ gặp khó khăn và góp vào các việc công ích của làng xóm.

Về nguyên tắc, ruộng đất của dòng họ không được mua bán, cầm cố và sang nhượng. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, *Hmu ngawôm* cũng được cho người ngoài dòng họ thuê mướn, thường là những gia đình nghèo của dòng họ khác trong cùng một *Play*. Có khi, những gia đình trong cùng một dòng họ có thể mua bán một phần ruộng của dòng họ để biến thành ruộng tư của mình. Nhưng trường hợp này thường được ưu tiên dành cho những người con gái của dòng họ mới lập gia đình, mà cha mẹ ít hoặc không có ruộng đất tư để chia cho con. Việc sang nhượng, mua bán như vậy phải được sự tán đồng của những chủ gia đình trong *ngawôm* và quyết định của người đứng đầu trong dòng họ.

Việc mua bán, sang nhượng ruộng đất ở đây còn rất nhiều hạn chế. Đối với nhân dân trong làng sự thất thoát ruộng đất dù bởi bất cứ lý do nào cũng mang mặc cảm có lỗi với ông bà, tổ tiên. Trong trường hợp bất đắc dĩ, không còn cách nào khác, người Chăm mới cầm cố, sang nhượng ruộng đất. Trước đây việc chuyển nhượng, bán ruộng đất được bàn bạc kỹ lưỡng trong gia đình và dòng họ, thường có lễ cúng trước khi giao ruộng đất cho người khác để tạ tội với tổ tiên. Đến ngày nay thì việc mua bán, sang nhượng ruộng đất đã có nhiều sự thay đổi (Vương Xuân Tình, Bùi Minh Đạo, 2000).

Trước đây, mỗi gia đình chức sắc trong làng có 800m^2 đất ruộng; mỗi chức sắc trong họ cũng được hưởng hơn 1 sào ruộng. Đất này họ được dùng vĩnh viễn, cha truyền con nối từ đời này sang đời khác. Nhưng đất này tự những người trong gia đình phải canh tác đất đai với nhau, chứ không có người trong làng cũng như trong họ giúp đỡ. Từ xưa, các dòng họ đã quy ước ngầm với nhau là lấy cây cổ thụ, lấy hàng rào xương rồng làm ranh giới, hay cây me để làm tín hiệu ranh giới đất đai của các họ trong làng.

Nếu trong các dòng họ có xảy ra tranh chấp đất đai, trước tiên phải đứng ra giải quyết là các trưởng họ và được giải quyết bằng tình cảm làng xóm. Nếu trong các dòng họ mà dùng tình cảm không giải quyết được thì đem ra chính quyền xã, mà như thế có nghĩa là hai bên không còn tình cảm gì với họ hàng và làng xóm nữa, làng sẽ phạt trầu, cau, rượu, tiền (cỡ khoảng 50 ngàn đồng). Những xích mích lớn phải đem ra nhờ chính quyền sở tại thì đều có sự thống nhất của chính quyền. Vì đã có sự thương lượng của hai trưởng họ cho nên có rất ít những vụ tranh chấp phải đưa ra chính quyền giải quyết, mà chủ yếu là tự giải quyết trong nội bộ dòng họ và trong cộng đồng làng với nhau.

Diện tích ruộng đất trong các dòng họ có sự chênh lệch do sự tự khai hoang của các dòng họ. Trước đây đất đai do trưởng họ nắm giữ và phân bổ; đến bây giờ đất đai do xã phân bổ theo từng khẩu cho từng gia đình. Đến nay đã có sự thay đổi đáng kể trong việc phân bổ ruộng nương trong gia đình, cho các con: vai trò này là của người cha chứ không phải người mẹ nữa.

Cho tới khoảng đầu thế kỷ này, ruộng sở hữu của dòng họ còn chiếm một tỷ lệ đáng kể. Nói chung đến bây giờ các dòng họ ở Hậu Sanh vẫn còn tồn tại một số lượng *Hmu Talang* và *Hmu Bhum* hoặc *Hmu Kut*. Cũng có những biến đổi trong xã hội, cho nên ruộng sở hữu của dòng họ ở Hậu Sanh tuy còn tồn tại nhưng đã biến thái ra thành nhiều loại hình mới.

4. Sở hữu đất đai của các gia đình mẫu hệ

Ruộng tư hay ruộng của mỗi hộ gia đình được gọi là *Hmu Thang*. Đây là loại ruộng đất phổ biến và có số lượng chiếm ưu thế ở đây từ khoảng đầu thế kỷ này. Ruộng tư có nguồn gốc do được thừa kế của cha mẹ, tự khai hoang khai hoá ruộng đất vô chủ hoặc đất hoang và còn có thể do mua bán.

Biểu trưng của dòng họ đó là "*Chiết atâu*" (nó có ý nghĩa tương đương với bàn thờ gia tiên của người Việt), người được thừa kế và nắm giữ nó là người con gái út trong gia đình. Trước đây, chủ nhà trong mỗi gia đình và chức vụ chủ đất ở mỗi làng, mỗi vùng của người Chăm đều do phụ nữ đảm nhận.

Trong họ Đàng, trước khi kết hôn, mỗi người trong gia đình, dòng họ đều có 3 sào ruộng. Nhưng đến khi con cái đi lấy vợ lấy chồng, nhà có thêm cháu thì người cha phải có nhiệm vụ phân phối đều đất đai cho con cái. Nếu cha mẹ công bằng thì con cái sẽ không tranh chấp. Nếu trong dòng họ có tranh chấp đất đai giữa con cái trong gia đình, trước tiên hai bên phải gặp vị trưởng họ và bố mẹ cùng giải quyết, dùng tình cảm gia đình dòng họ để phân giải. Nếu dùng những phương pháp đó không hoà giải nổi, sẽ đem ra chính quyền xã để giải quyết, như vậy sẽ không còn tình nghĩa. Nhưng thường khi xảy ra những vụ tranh chấp đất đai trong dòng họ hoặc với các họ khác, cả hai bên đều cùng nhau thương lượng chứ rất ít khi phải đưa ra xã, và đây cũng còn vì danh dự của hai bên.

Ở đây quyền sở hữu cá nhân được thể hiện khá rõ ràng. Ruộng đất của ai thì người ấy phải khoanh vùng lại; mảnh đất mình muốn khai hoang nhưng đã có người khai thác trước rồi, thì người đi trước phải trồng thơm tàu (rau mùi tàu của người Việt) để báo hiệu đất đã có chủ và phân định ranh giới mảnh đất đó. Mọi người đều chọn những cây dễ sống để làm ranh giới giữa các khu đất.

Trước đây, đất đai được phân theo họ, nhưng đến khi hợp tác xã được thành lập thì đất đai được phân chia theo khẩu. Mỗi cá nhân phải tự bảo vệ đất đai của mình và có quyền canh tác trên diện tích được phân đó. Nhiều trường hợp, trước đây được làm chủ đất do ông bà để lại, nhưng đến bây giờ lại đi làm chủ đất khác chứ không phải đất do tổ tiên để lại, do hợp tác xã phân chia lại đất đai.

Chế độ sở hữu đất đai ở vùng Chăm và của người Chăm khá phức tạp, với nhiều hình thức sở hữu, chiếm hữu và khai thác ruộng đất. Ở Hậu Sanh có nhiều loại sở hữu đất như sở hữu cá nhân, sở hữu dòng họ và đền tháp. Trong quá trình lịch sử phát triển, tình trạng ruộng đất vùng Chăm đã trải qua nhiều biến động và phân hoá sâu sắc. Xu hướng tư hữu hoá đất đai ở Hậu Sanh càng về sau càng chiếm ưu thế. Xưa kia, ruộng đất chỉ được thừa kế cho con cháu, nhưng sau đó, tình trạng mua bán, sang nhượng ruộng đất ngày càng phổ biến.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đình Đầu (1996), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn Bình Thuận*, Nxb TP. Hồ Chí Minh.

2. Phan Xuân Biên (Chủ biên) (1989), *Người Chăm ở Thuận Hải*, Sở Văn hóa thông tin Thuận Hải.

3. Vương Xuân Tình, Bùi Minh Đạo (2000), *Truyền thống sở hữu và sử dụng đất đai của các dân tộc thiểu số tại Việt Nam* (Chương trình hợp tác Cải cách địa chính Việt Nam - Thụy Điển).